

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THẠNH NHỰT

Số: 95/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Nhựt, ngày 22 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc quyết toán thu, chi ngân sách năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THẠNH NHỰT
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã khóa XII, kỳ họp thứ 9 về ban hành kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã khóa XII, kỳ họp thứ 9 về dự toán thu – chi, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 16/7/2024 của Hội đồng nhân dân xã khóa XII, kỳ họp thứ 10 về điều chỉnh tên công trình và nguồn vốn đầu tư công xây dựng công trình giao thông nông thôn năm 2024; Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của Hội đồng nhân dân xã khóa XII, kỳ họp thứ 12 về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024;

Qua xem xét Tờ trình số 310/TTr-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Nhựt về việc quyết toán thu, chi ngân sách năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 94/BC-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất tờ trình số 310-/TTr-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Nhựt về việc quyết toán thu, chi ngân sách năm 2024 bao gồm những nội dung cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THU NGÂN SÁCH NĂM 2024:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã năm 2024 là: **13.333.684.572** đồng, đạt 141,84 %.

Tổng thu ngân sách xã năm 2024 là **11.826.982.673** đồng, đạt 145,29 %. Cụ thể từng nguồn thu như sau:

DVT: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng số thu	9.400.316.000	8.140.316.000	13.333.684.572	11.826.982.673	141,84	145,29
I. Các khoản thu 100%	541.000.000	541.000.000	1.160.377.535	1.160.377.535	214,49	214,49
1. Phí, lệ phí	105.000.000	105.000.000	106.000.000	106.000.000	100,95	100,95
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	64.000.000	64.000.000	145.471.760	145.471.760	227,30	227,30
Thu từ hoa lợi công sản trên đất công	64.000.000	64.000.000	145.471.760	145.471.760		
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	136.000.000	136.000.000	176.138.000	176.138.000	129,51	129,51
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			443.651.906	443.651.906		
8. Thu khác	236.000.000	236.000.000	289.115.869	289.115.869	122,51	122,51
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.662.000.000	2.402.000.000	4.218.818.873	2.712.116.974	115,21	112,91
1. Các khoản thu phân chia	518.000.000	317.500.000	659.513.183	408.356.272	127,32	128,62
1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	17.000.000	17.000.000	63.499.344	63.499.344	373,53	373,53
1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	100.000.000	100.000.000	93.700.000	93.700.000	93,70	93,70
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất	401.000.000	200.500.000	502.313.839	251.156.928	125,27	125,27
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	3.144.000.000	2.084.500.000	3.559.305.690	2.303.760.702	113,21	110,52
2.1. Thu tiền sử dụng đất						
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3. Thuế tài nguyên						
2.4. Thuế giá trị gia tăng	1.024.000.000	1.024.000.000	1.047.246.462	1.047.246.462	102,27	102,27
2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6. Thuế thu nhập cá nhân	2.119.000.000	1.059.500.000	2.511.089.998	1.255.545.010	118,50	118,50
2.7. Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.000.000	1.000.000	969.230	969.230	96,92	96,92
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

IV. Thu chuyển nguồn			2.006.755.285	2.006.755.285		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			199.359.094	199.359.094		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.197.316.000	5.197.316.000	5.748.373.785	5.748.373.785	110,60	110,60
1. Bổ sung cân đối ngân sách	3.768.480.000	3.768.480.000	3.331.240.000	3.331.240.000		
2. Bổ sung có mục tiêu	1.428.836.000	1.428.836.000	2.417.133.785	2.417.133.785		

II. PHÀN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024:

Tổng chi ngân sách năm 2024 là 11.392.510.191 đồng, đạt 104,12 %. Cụ thể từng nguồn chi như sau:

Đ.V.T: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	THỰC HIỆN NĂM 2024	% QT/ĐT
	TỔNG CHI	10.941.845.521	11.392.510.191	104,12
A	<u>Chi đầu tư phát triển</u>	1.549.591.000	1.549.591.000	100,00
B	<u>Chi thường xuyên</u>	9.392.254.521	8.401.513.761	89,45
I	Chi hành chánh sự nghiệp	7.990.875.521	7.049.021.953	88,21
1.	Chi sự nghiệp kinh tế	519.034.730	485.800.555	93,60
-	Sự nghiệp giao thông	398.829.000	368.294.555	92,34
-	Sự nghiệp môi trường	120.205.730	117.506.000	97,75
2.	Chi sự nghiệp văn hóa	939.406.000	836.478.710	89,04
-	Sự nghiệp giáo dục	34.240.000	33.281.000	97,20
-	Sự nghiệp đào tạo	17.500.000	13.206.400	75,47
-	Sự nghiệp văn hoá thông tin	242.910.000	179.916.310	74,07
-	Sự nghiệp TDTT	24.480.000	22.260.000	90,93
-	Sự nghiệp phát thanh	35.480.000	34.040.000	95,94
-	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	543.336.000	512.390.000	94,30
-	Sự nghiệp y tế	41.460.000	41.385.000	99,82
3.	Chi sự nghiệp quản lý hành chính	6.532.434.791	5.726.742.688	87,67
-	Chi quản lý nhà nước	3.516.958.353	3.100.126.248	88,15
-	Khối Đảng	1.575.665.753	1.292.414.786	82,02
-	Mặt trận các đoàn thể	1.439.810.685	1.334.201.654	92,67
+	Mặt trận	524.490.685	461.938.782	88,07
+	Đoàn thanh niên	244.830.000	226.853.570	92,66
+	Hội liên hiệp phụ nữ	244.830.000	244.637.920	

				99,92
+	Hội nông dân	210.830.000	191.722.928	90,94
+	Hội cựu chiến binh	214.830.000	209.048.454	97,31
+	Hội người cao tuổi, CTĐ, KH			
II	Chi quốc phòng - an ninh	766.176.500	756.984.027	98,80
-	Quốc phòng	406.770.000	406.005.440	99,81
-	An ninh	359.406.500	350.978.587	97,66
III	Chi mua sắm, sửa chữa	133.500.000	133.500.000	100,00
IV	Chi khác ngân sách	501.702.500	462.007.781	92,09
-	Chi hỗ trợ người đứng đầu Hội đặc thù	106.380.000	106.380.000	100,00
-	Chi khác	395.322.500	355.627.781	89,96
	+ Chi ATGT	56.000.000	53.786.260	96,05
C	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		1.000	
D	Chi chuyển nguồn sang năm sau		1.441.404.430	

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH

TỔNG THU	11.826.982.673
TỔNG CHI	11.392.510.191
THỪA (+), THIẾU (-)	434.472.482

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Ủy ban nhân dân xã lập các thủ tục báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Phòng tài chính - kế hoạch huyện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.
- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, hai Ban Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Thạnh Nhứt khóa XII, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND; UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- KBNN huyện;
- TT. Đảng ủy, UBND xã, TT. UBMTTQ xã;
- Các ngành, đoàn thể xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: HĐND xã.


CHỦ TỊCH

Võ Hoàng Lâm